

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 25/2021/DS-PT

Ngày: 08/3/2021.

V/v: “Tranh chấp đòi lại đất
cho mượn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh;

Các thẩm phán:

Bà Lê Thị Thủy;

Bà Lê Thị Hiệu.

-Thư ký phiên tòa: Ông Dương Xuân Tú- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh LTT - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15, ngày 19 tháng 01 và ngày 03, ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2020/DSPT ngày 11/11/2020 về việc “Kiện đòi đất cho mượn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2020/QĐXXPT- DS ngày 03/12/2020 giữa:

1.Nguyên đơn: Bà NTK,1933.

Địa chỉ: Thôn Đông Tân, xã HĐ, huyện HH, Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà LTP - Trợ giúp viên pháp lý - Trung LTT trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt)

2.Bị đơn: Ông CVA, 1960.

Địa chỉ: Thôn Đông Tân, xã HĐ, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa .

3.Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1.UBND xã HĐ, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo pháp luật: Ông TKĐ - Chủ tịch UBND.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông PVS - Công chức địa chính.

3.2. Bà CTV, 1964 (vợ ông CVA);

3.3. Các thành viên (con, cháu) của bà NTK:

+ Anh CTD và chị CTE;

Địa chỉ: Tổ 10 khu phố Miếu, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.

+ CTG, LTT, CTL, CTH;

Địa chỉ: Thôn Đông Tân, xã HĐ, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa.

+ Chị CTM;

Địa chỉ: Thôn Bắc Hội Chiều, xã Hoàng Phong, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa.

+ Chị CTN.

Địa chỉ: Số 78/1 tổ 8, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, Thuận An, Bình Dương.

Tại phiên tòa ngày 15 và 19/01/2021, có mặt bà NTK, anh CTG, chị CTL, chị CTM, ông CVA và đại diện UBND xã Hoàng Đông; những người còn lại vắng mặt.

Tại phiên tòa ngày 03/3/2021, có mặt bà NTK, anh CTD, chị CTE, chị CTL, chị CTM, ông CVA và đại diện UBND xã Hoàng Đông; những người còn lại vắng mặt.

Tại phiên tòa ngày 05/3/2021, có mặt bà NTK, anh CTD, chị CTL, chị CTM, ông CVA và đại diện UBND xã Hoàng Đông; những người còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2019, nguyên đơn bà NTK trình bày:***

Năm 1994, UBND xã HĐ giao đất cho hộ nông dân, định mức giao đất sản xuất nông nghiệp, loại đất cơ bản là 363m²/khẩu loại I. Thời điểm giao đất, gia đình bà NTK (chồng là Chu Thiện Khương) có 10 khẩu loại I, không có khẩu loại II, được giao tổng diện tích đất nông nghiệp là 3.892m² (gồm 240m² đất 5% và 3.652m² đất sản xuất cơ bản), trong đó có 797m² đất xứ đồng Nương Ngọn.

Năm 2002, gia đình bà đổi toàn bộ đất Nương Ngọn lấy 2m đất chiều rộng tại Đồng Sông của nhà ông CVA, năm 2006 hai bên đã trả lại đất cho nhau, cuối năm 2007, bà CTE (con dâu bà NTK) về chăm mẹ ốm, do vợ chồng bà CTE, ông CTD có nợ ông CVA 6.000.000đ tiền góp họ nên có nói ông Khương, bà NTK cho ông CVA mượn đất làm để lấy hoa lợi, lợi tức trừ nợ. Vợ chồng bà NTK đồng ý cho vợ chồng ông CVA mượn 797m² đất tại Nương Ngọn, việc cho mượn chỉ nói miệng, không thỏa thuận thời hạn trả đất.

Đến cuối năm 2017, bà NTK thấy thời gian mượn đất đã lâu nên nói ông CVA trả đất thì ông CVA tính tiền nợ gốc, lãi số tiền mà vợ chồng bà CTE, ông CTD nợ, khi nào trả hết nợ mới trả đất. Lúc này bà NTK mới biết đất khu Nương Ngọn của gia đình bà chỉ còn lại 527m², bà NTK cho rằng thời điểm đổi điền, dồn thừa năm 2001 bà không biết, không ký văn bản, không được nhận đất trên thực địa.

Tại phiên tòa, bà NTK khẳng định việc đổi điền dồn thừa năm 2001 bà có biết, nhưng chỉ dồn đồng, không dồn bãi, đất Nương Ngọn nhà bà được chuyển từ khu vực Trại gà sang khu vực hiện nay, nhưng không thay đổi về diện tích, vì vậy bà có yêu cầu Tòa án buộc ông CVA phải trả lại toàn bộ diện tích đất Nương Ngọn đã mượn của gia đình bà là 797m².

- Bị đơn ông CVA và vợ là bà CTV trình bày:

Từ năm 1994 đến năm 2002 ông CVA là Trưởng thôn, thời điểm giao ruộng năm 1994 và đổi điền dồn thừa năm 2001 ông là người trực tiếp đo đất chia ruộng cho

các gia đình, trong đó có hộ bà NTK. Theo định mức, hộ bà NTK được giao 3.630m^2 đất cơ bản, nhưng năm 1994 khi đo ruộng, ông đã đo cho nhà bà NTK 3.652m^2 , thừa 22m^2 so với định mức, trong đó đất Nương Ngọn là 797m^2 .

Năm 2001, ông CVA là người lập phương án đổi điền dồn thửa, trước khi lập phương án, ông đã đến các hộ hỏi ý kiến, được các hộ thống nhất nên báo cáo phương án lên xã và được xã phê duyệt. Lúc này gia đình bà NTK tách thành 2 hộ do vợ chồng ông CTD làm nhà ở riêng.

Sau khi giao đất, ông CVA đem biên bản giao đất cho hộ nông dân sau chuyển đổi đến các gia đình để ký. Thời điểm này, tổng đất Nương Ngọn giao cho mẹ con bà NTK là 528m^2 có kích thước cụ thể: Đông (giáp bờ ngăn với Đồng Ngọn) = Tây (giáp mộ) = 17m (Trừ bờ 0,5m còn lại 16,5m), Nam (giáp bờ) = Bắc = 32m (trong đó, ông CTD là 138m^2 , bà NTK là 390m^2).

Năm 2002, nhà ông và nhà bà NTK đổi đất cho nhau, đến tháng 4/2006 do vợ chồng ông CTD, bà CTE nợ tiền góp họ của vợ chồng ông không trả được nên bà CTE có ký giấy chuyển nhượng toàn bộ đất Nương Ngọn cho vợ chồng ông CVA, khi nào trả hết tiền nợ gốc và lãi thì ông bà trả lại đất, bà CTE ký thay cho ông CTD.

Bà NTK yêu cầu trả 797m^2 đất mượn ở Nương Ngọn, ông, bà không đồng ý, vì ông bà không mượn đất nhà bà NTK, mà do con bà NTK nợ tiền nên viết giấy chuyển nhượng đất cho ông bà.

Nay biết việc bà CTE ký thay tên ông CTD là không đúng quy định pháp luật, nên ông bà không truy cứu và đồng ý trả lại đất cho gia đình bà NTK. Tuy nhiên, thực tế diện tích đất ông bà canh tác của gia đình bà NTK từ năm 2002 đến nay chỉ có 528m^2 thuộc thửa giáp bờ Nam của Nương Ngọn nên ông bà chỉ đồng ý trả lại diện tích đất là 528m^2 , cụ thể: Đông = Tây = 17m (được trừ bờ 0,5m), Bắc = Nam = 32m.

- Anh CTD, anh CTG, chị LTT, anh CTH, chị CTE, chị CTL, chị CTM, chị CTN (con, cháu bà NTK) thống nhất trình bày:

Việc ông CVA mượn đất của gia đình bà NTK là có thật, do bà NTK là người trực tiếp cho mượn, việc mượn diện tích bao nhiêu, các con, cháu bà NTK không rõ, nhưng theo GCNQSDĐ của bà NTK, diện tích đất Nương Ngọn là 797m^2 , do đó thống nhất với yêu cầu của bà NTK, buộc ông CVA phải trả lại cho bà NTK 797m^2 đất Nương Ngọn.

- UBND xã HĐ trình bày:

Năm 1994 UBND xã HĐ giao đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp theo Nghị định 64/1993/NĐ-CP ngày 27/9/1993, định mức giao đất cơ bản là 363m^2 /khẩu loại I, 200m^2 /khẩu loại II. Gia đình ông Chu Thiện Khương (vợ là bà NTK) có 10 khẩu loại I, không có khẩu loại II, diện tích được giao theo định mức là 3.630m^2 , nhưng theo GCNQSDĐ cấp cho hộ ông Khương (bà NTK) thể hiện diện tích đất nông nghiệp được giao như sau: Dưng Cao 324m^2 ; Bờ đôi 516m^2 ; Đồng Su 400m^2 ; Nương Ngọn 797m^2 ; Đồng Sác 555m^2 ; Đồng Sông 1.160m^2 ; Đất 5% là 240m^2 , tổng diện tích đất được giao là

3.892m² (trong đó đất cơ bản là 3.652m², dư so với định mức giao đất cơ bản là 22m²).

Từ khi giao đất đến nay đã trải qua 3 lần đổi điền dồn thửa năm 2001, 2010 và 2017. Tất cả các lần đổi điền dồn thửa, thôn đều lập phương án trình xã phê duyệt, sau đó theo phương án đã được phê duyệt để đo đất cho dân.

Theo tài liệu chứng cứ còn lưu giữ tại UBND xã HĐ, sau mỗi lần đổi điền dồn thửa, diện tích đất tại các xứ đồng gia đình bà NTK có biến động là do công tác đổi điền dồn thửa từng thời kỳ, tổng diện tích đất cơ bản được giao luôn cao hơn trong GCNQSDĐ và cao hơn định mức giao đất sản xuất cơ bản. Tại xứ đồng Nương Ngọn, từ năm 2001 diện tích đất đã có thay đổi, cụ thể: Năm 2001 được tách thành hai hộ: Ông CTD 138m²; ông Khương 390m², tổng là 528m²; năm 2010 ông CTD 160m², ông Khương là 384m², tổng là 544m²; năm 2017, đất cơ bản hộ ông CTD được dồn hết về Nương Ngọn, diện tích 526m².

Năm 1994, hộ ông CVA có 5 khẩu loại I và 2 khẩu loại II, theo định mức được giao 2.215m² đất sản xuất cơ bản. Hiện nay, ông CVA đang canh tác cả đất của ông Chu Văn Đồng (bố đẻ) và vợ chồng ông Chu Văn Tân (em trai) nên theo định mức là 3.304 m² đất sản xuất cơ bản.

Theo sổ giao ruộng sau đổi điền dồn thửa năm 2017, gia đình ông CVA được giao đất sản xuất cơ bản như sau: Lợi Ngọn 441m², Ngọn chéo 1.141m², Nương Ngọn 714m² + 955m² = 1.669 m², tổng diện tích là 3.251m², giảm 53m² so với định mức.

Theo kết quả xem xét, thẩm định, tổng diện tích đất Nương Ngọn là 2.289,4m², gồm các hộ: Ông CTD (con bà NTK), ông Dụng Tuyết, bà Nguyễn Thị Sửu và ông CVA, trong đó: Hộ ông CTD được giao 526m²; hộ ông Dụng Tuyết được giao 189m²; hộ bà Nguyễn Thị Sửu được giao 168m², vì vậy, hộ ông CVA thực tế chỉ được giao 1.406,4m². Tổng đất cơ bản gia đình ông CVA được giao thực tế là: Đồng Ngọn gồm: Lợi Ngọn 441m², Ngọn chéo 1.141m²) và Nương Ngọn 1.406,4m²; tổng là 2.988,4m², giảm 315,6m² so với định mức. Có sự biến động, giảm diện tích đất như trên là quá trình đo đạc, căng dây khi đo đất chia ruộng (thể hiện trên sổ sách), có sự không chính xác về kích thước các cạnh của toàn bộ khu đất, cụ thể: đo đạc thực tế/sổ sách thể hiện: Cạnh Đông: 67,4m/67m; cạnh Nam: 32,5m/31m; cạnh Tây: 67,1m/68m; Cạnh Bắc: 33,8m/42m. Diện tích đo đạc khi xem xét, thẩm định mới là diện tích chính xác.

Đất cơ bản gia đình bà NTK được giao qua các lần đổi điền dồn thửa và hiện đang sử dụng đều cao hơn so với định mức được giao. Hiện đất cơ bản gia đình bà NTK đang được quyền sử dụng là 3.672,31m², dư 10,31m² so với diện tích đất cơ bản trong GCNQSDĐ cấp năm 1995 và dư 42,31m² so với định mức. Đất cơ bản nhà ông CVA hiện đang được quyền sử dụng là 2.988,4m², giảm 315,6m² so với định mức giao đất cơ bản.

Việc bà NTK cho rằng ông CVA mượn nhà bà 797m² đất nông nghiệp là không có cơ sở.

- Những người làm chứng:

+ Ông Chu Hữu Ngẫu trình bày: Ông làm Trưởng thôn 3 (thôn Đông Tân), xã HĐ giai đoạn 2002 -2012, khi ông nhận nhiệm vụ, công tác đổi điền dồn thửa năm 2001 đã hoàn thành, ông CVA đã bàn giao cho ông sổ sách, số liệu diện tích đất các gia đình trong thôn, ông chỉ nhận sổ liệu trên sổ sách, không bàn giao đo đạc thực địa. Đất được giao sau đổi điền dồn thửa như thế nào thì dân làm như vậy, không có điều chỉnh, đo đạc lại.

Đổi điền dồn thửa năm 2010, ông là người lập danh sách báo xã về phương án dồn điền đổi thửa của thôn, lần dồn điền này chỉ dồn đất đồng, không dồn đất bãi. Công việc dồn điền đổi thửa thực hiện xong thì ông nghỉ chưa kịp lập biên bản giao đất cho dân, ông đã bàn giao cho người kế nhiệm sổ ghi diện tích đất giao cho các hộ dân khi đổi điền dồn thửa.

Việc đổi đất, cho mượn đất giữa bà NTK và ông CVA không báo thôn nên ông không nắm được. Ông giao nộp cho Tòa án sổ chi tiết ghi lại diện tích của các gia đình thôn 3 lần đổi điền dồn thửa năm 2001 do ông CVA chuyển giao và trình bày do sơ xuất trong công việc bảo quản nên ông đã làm mất một tờ (gồm 04 trang) thể hiện việc chia ruộng tại Đồng Sông và một phần Đồng Sác.

+ Bà Trương Thị Vân trình bày: Bà làm Trưởng thôn Đông Tân từ năm 2014 đến năm 2018, là giai đoạn thực hiện đổi điền dồn thửa lần 3 năm 2017, bà là người trực tiếp lập phương án đổi điền dồn thửa trên cơ sở hợp dân về hiện trạng sử dụng đất của các hộ dân, và trình UBND xã HĐ phê duyệt. Khi phương án được phê duyệt, bà là người trực tiếp đo đạc, giao đất cho dân, hoàn thiện sơ đồ giao ruộng.

Đối với đất Nương Ngọn cấp cho gia đình bà NTK, do thời điểm này ông CVA đang trực tiếp canh tác nên bà căn cứ hồ sơ giao ruộng trước đó để đo đủ cho gia đình bà NTK 527m² (dồn cho ông CTD). Đất gia đình ông CVA tại các xứ đồng đã đổi cho các gia đình khác để dồn về xứ đồng Nương Ngọn nên hiện gia đình ông CVA chỉ còn canh tác tại Nương Ngọn và Đồng Ngọn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 79/2020/DSST ngày 30/9/2020 của TAND huyện HH đã Quyết định:

Căn cứ: Điều 163, Điều 164 và Điều 166 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 131, Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà NTK, buộc ông CVA và bà CTV phải trả lại cho gia đình bà NTK 528m² đất tại xứ đồng Nương Ngọn, vị trí thửa đất: Giáp bờ phía Nam, có tứ cận: Phía Đông (giáp bờ) = phía Tây (giáp mộ) = 17m (được trừ bờ 0,5m), phía Nam (giáp bờ) = phía Bắc = 32m).

Ngày 07/ 8/2020, bị đơn bà NTK có đơn kháng cáo với nội dung:

- Yêu cầu ông CVA phải trả lại diện tích đất Nương Ngọn là 797m²;
- Yêu cầu ông CVA trả lại mặt bằng nguyên trạng khi mượn đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn không rút kháng cáo, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên VKSND tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu.

Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tuân thủ đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập hồ sơ địa chính, không vẽ bản đồ thẩm định mà tuyên buộc ông Chu Thiện CVA trả lại cho bà NTK 528m² tại xứ đồng Nương Ngọn là không rõ ràng, khó thi hành án; ngoài ra theo hồ sơ do đặc 2015 thì vị trí đất mà bản án sơ thẩm buộc ông CVA trả cho bà NTK hiện nay đang mang tên hai người khác mà chưa được xác minh làm rõ (có Văn bản phát biểu kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà NTK có đơn khởi kiện đòi ông CVA trả lại diện tích 797m² đất sản xuất cho mượn tại xứ đồng Nương Ngọn, tranh chấp đã được UBND xã HĐ hòa giải và TAND huyện HH thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 9 Điều 26; Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xử sơ thẩm, bà NTK kháng cáo trong thời hạn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Quá trình giải quyết, các bên thừa nhận: Năm 1994, UBND xã HĐ, huyện HH thực hiện giao đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp theo Nghị định 64/1993/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, gia đình bà NTK (chồng là Chu Thiện Khương) được giao theo định mức cơ bản là 363m² /khẩu loại I, hộ bà NTK có 10 khẩu, được giao 3.892m² (vượt so với định mức 22m²). Năm 2002, gia đình bà NTK đổi toàn bộ đất Nương Ngọn lấy đất Đồng Sông của ông CVA, khoảng năm 2006 - 2007 hai đã trả lại đất cho nhau, nhưng sau đó do anh CTD và chị Chu Thị CTE (con trai và con dâu bà NTK) đang nợ tiền ông CVA, nên cũng trong năm 2007 gia đình bà NTK đã thống nhất giao lại đất Nương Ngọn cho ông CVA canh tác để lấy hoa lợi trừ nợ. Năm 2017 bà NTK đòi lại đất, ông CVA không trả với lý do anh CTD chưa trả hết nợ, tuy nhiên việc vay nợ và mượn đất là hai quan hệ độc lập, mặt khác việc chị CTE viết giấy chuyển nhượng đất ký thay tên ông CTD (BL22), bà NTK không đồng ý, do đó việc bà NTK khởi kiện đòi lại đất và được Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông CVA trả lại đất tại xứ đồng Nương Ngọn là có cơ sở.

[2.2] Về xác định diện tích đất cho mượn: Bà NTK căn cứ GCNQSDĐ do UBND huyện Hoàng cấp mang tên ông Chu Thiện Khương, tổng diện tích đất sản xuất được giao tại các xứ đồng là 3.652m² (riêng xứ đồng Nương Ngọn là 797m²). Tuy nhiên, GCNQSDĐ do bà NTK xuất trình không có ngày, tháng, năm, không có sổ vào sổ (BL07), nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh tại UBND huyện HH để làm rõ tính hợp pháp của GCNQSDĐ này là thiếu sót.

Mặt khác, theo tài liệu, chứng cứ do UBND xã HD cung cấp và lời khai các Trưởng thôn (ông Chu Hữu Ngẫu, bà Trương Thị Vân) thì từ năm 2001 đến nay tại khu vực thôn Đông Tân, xã HD đã trải qua ba lần đổi điền, dồn thửa, diện tích đất của gia đình bà NTK tại các xứ đồng đã có nhiều biến động, cụ thể:

[2.2.1] Lần đổi điền, dồn thửa năm 2001, tổng diện tích đất sản xuất cơ bản giao cho gia đình bà NTK tại các xứ đồng là 3.671m^2 , so với GCNQSDĐ tăng 19m^2 , trong đó đất Nương Ngọn được giao là 528m^2 gồm ông Khương, bà NTK là 138m^2 và ông CTD (con bà NTK) là 390m^2 (BL141,142). Sổ giao ruộng lưu tại UBND xã HD thể hiện việc giao đất cho gia đình bà NTK tại Nương Ngọn: Vị trí số 01 và 02 tính từ bờ Nam, kích thước tứ cận toàn bộ thửa ruộng: Đông (giáp bờ) = Tây (giáp mộ) = 17m , Nam (giáp bờ) = Bắc = 32m (BL148).

Bà NTK lúc trình bày việc đổi điền dồn thửa năm 2001 bà không biết, không nhận đất trên thực địa, có lúc trình bày năm 2001 bà có biết việc đổi điền, dồn thửa, nhưng chỉ dồn đồng, không dồn bãi, đất nhà bà được chuyển từ khu Trại gà sang cuối đường nhưng không thay đổi về diện tích (BL 331). Theo ông Chu Hữu Ngẫu cho biết khi ông nhận nhiệm vụ Trưởng thôn, việc đổi điền, dồn thửa của năm 2001 đã hoàn thành, ông CVA đã bàn giao sổ sách cho ông, đất được giao thế nào dân làm như vậy (BL235). Năm 2002 bà NTK mới đổi đất Nương Ngọn lấy đất Đồng Sông của ông CVA, năm 2006 - 2007 hai nhà đã trả lại đất cho nhau, sau đó trong năm 2007 ông CVA mượn lại, tất cả các lần đổi, trả và mượn đất đều không có giấy tờ gì, do đó cũng không có cơ sở xác định thửa đất Nương Ngọn của bà NTK tại thời điểm năm 2001 là 797m^2 .

[2.2.2] Lần đổi điền, dồn thửa năm 2010, tổng diện tích đất sản xuất cơ bản hộ bà NTK được giao là 3.689m^2 , tăng so với GCNQSDĐ 37m^2 , trong đó diện tích tại Nương Ngọn là 544m^2 . Theo sổ giao ruộng năm 2010, hoàn thiện ngày 21/12/2012, thể hiện: Thửa số 1 và số 2 có kích thước cạnh Đông và cạnh Tây = 12m , cạnh Bắc và Nam = 32m (BL181).

[2.2.3] Lần đổi điền, dồn thửa năm 2017, toàn bộ diện tích đất Nương Ngọn 526m^2 của hộ bà NTK được giao cho anh CTD (BL133a).

[3] Theo kết quả thẩm định tại chỗ ngày 03/6/2020, tổng diện tích đất sản xuất hiện nay của hộ bà NTK là $3.526,31\text{m}^2$ gồm: Dung Cao $674,15\text{m}^2$; Bờ Đồi $389,16\text{m}^2$; Đồng Su 544m^2 ; Đồng Sác 649m^2 ; Đồng Sông 735m^2 và Nương Ngọn 526m^2 (BL218-219), trước đó năm 2016, gia đình bà đã được nhà nước thu hồi, đền bù diện tích đất sản xuất 146m^2 , theo đó tổng diện tích kể cả phần đã thu hồi là: $3.672,31\text{m}^2$.

Như vậy sau các lần dồn điền, đổi thửa, diện tích đất của hộ bà NTK tăng so với định mức cơ bản là $42,31\text{m}^2$ và tăng so với GCNQSDĐ là $20,31\text{m}^2$, và đến thời điểm bà Trương Thị Vân làm Trưởng thôn (năm 2017) xác định diện tích đất Nương Ngọn giao cho hộ bà NTK cũng chỉ có 526m^2 , do đó nội dung kháng cáo của bà NTK yêu cầu ông CVA, bà Vân phải trả 797m^2 đất Nương Ngọn là không có cơ sở.

[4] Tại cấp phúc thẩm, bà NTK cho rằng chữ ký của chị CTE trong “Giấy xin chuyển quyền sử dụng đất cơ bản” ngày 20/4/2006 do ông CVA xuất trình (BL 22) và

chữ ký của bà NTK và ông CTD trong “Biên bản giao đất cho hộ nông dân sau chuyển đổi” lưu tại UBND xã HĐ (BL141,142) là do ông CVA giả mạo và đề nghị giám định. Tòa án cấp phúc thẩm đã Quyết định tạm ngừng phiên tòa, yêu cầu ông CVA, bà NTK cung cấp văn bản gốc có chữ ký của chị CTE, bà NTK và ông CTD để làm mẫu so sánh, đồng thời Trung cầu Phòng kỹ thuật hình hình sự Công an Thanh Hóa giám định các nội dung theo yêu cầu của bà NTK tại Quyết định số 01/QĐ-TCGD ngày 02/02/2021. Tại Văn bản số 113/PC09 ngày 09/02/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thanh Hóa từ chối giám định với lý do: Tài liệu mẫu so sánh cung cấp không đủ để kết luận giám định.

Tòa án cấp phúc thẩm thấy rằng: Theo “Giấy xin chuyển quyền sử dụng đất cơ bản” đề ngày 20.4.2006 do ông CVA xuất trình thì chị CTE ký chuyển nhượng diện tích đất Nương Ngọn cho ông CVA là 527m². Tuy nhiên việc chuyển nhượng (nếu có) là không hợp pháp, do đó việc giám định chữ ký của chị CTE là không cần thiết.

Đối với “Biên bản giao đất cho hộ nông dân sau chuyển đổi” năm 2001 lưu tại UBND xã HĐ, bà NTK và ông CTD không thừa nhận, nhưng không cung cấp được mẫu chữ ký của mình cùng thời điểm để làm căn cứ giám định. Việc đồn điền, đồn thửa năm 2001 là có thật, toàn bộ sổ sách được lưu tại UBND xã HĐ để Chính quyền quản lý, theo dõi, diện tích của gia đình bà NTK giảm tại xứ đồng Nương Ngọn, nhưng tăng tại Dung Cao, Đồng Su và Đồng Sác và tổng diện tích đất cơ bản tại các xứ đồng của gia đình bà NTK tăng so với thời điểm giao đất năm 1994 và tăng so với GCNQSDĐ, do đó “Biên bản giao đất cho hộ nông dân sau chuyển đổi” năm 2001 chỉ là một trong các tài liệu, chứng cứ để xem xét.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập hồ sơ địa chính các thời kỳ liên quan đến các thửa đất mà bà NTK đang khởi kiện, trong Quyết định của Bản án sơ thẩm tuyên buộc ông CVA phải trả cho bà NTK 528m² đất sản xuất tại Nương Ngọn mà không xác định vị trí đất thuộc thửa số mấy, tờ bản đồ nào; quá trình thẩm định cũng không đo vẽ sơ đồ hiện trạng để xác định ranh giới các cạnh của thửa đất mà ông CVA phải trả cho bà NTK, do đó không có cơ sở để thi hành án.

[6] Tại cấp phúc thẩm, UBND xã Hoàng Đông cung cấp bản đồ địa chính các thời kỳ có liên quan đến thửa đất tranh chấp, cụ thể:

Theo Hồ sơ 299 đo đạc năm 1985, vị trí đất thuộc thửa 56, tờ bản đồ số 2, diện tích nguyên thửa 7.420m², loại đất màu, chủ sử dụng HTX; Hồ sơ địa chính năm 1996, vị trí đất thuộc thửa 77, tờ bản đồ số 3, diện tích nguyên thửa 3.170m², loại đất màu, chủ sử dụng UBND xã, nhưng theo Hồ sơ đo đạc năm 2015 thì diện tích đất mà bản án sơ thẩm buộc ông CVA trả cho bà NTK thuộc một phần thửa số 171, diện tích nguyên thửa 421,6m², chủ sử dụng là Chu Thị Quyên và một phần thửa 188, diện tích nguyên thửa 344m², chủ sử dụng là Chu Thiện Đức, những thửa này chưa được tham gia tổ tụng và chưa làm rõ được việc sử dụng tại các thửa đất nêu trên.

[7] về nội dung bà NTK kháng cáo yêu cầu ông CVA, bà Vân phải hoàn trả nguyên trạng mặt bằng như trước khi cho mượn, thấy rằng:

Theo đơn khởi kiện, bà NTK yêu cầu ông CVA phải hoàn trả nguyên trạng mặt bằng trước khi mượn đất, tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/9/2020, bà NTK chỉ

yêu cầu ông CVA trả đất, không yêu cầu gì thêm, do nội dung này Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét nên Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để giải quyết. Bà NTK được quyền yêu cầu khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[8] Do việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ và thiếu người tham gia tố tụng mà không thể khắc phục được, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[9] Về án phí: Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nên bà NTK không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Hủy bản án sơ thẩm số 79/2020/DSST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện HH, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện HH giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Bà NTK không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Phòng TCTTr&TĐKT;
- TAND huyện HH;
- VKSND huyện HH;
- UBND huyện Hoằng;
- Chi cục THADS huyện HH;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh